TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2019/HSST
Ngày: 13/3/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo
Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Đinh Kim Hoàng
Nghề nghiệp: Giáo viên hưu trí.
2. Bà Ngô Như Ngọc
Nghề nghiệp: Cán bộ Đoàn - Quận Đoàn Quận 4.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình - cán bộ Tòa án nhân dân Quận 4 Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Minh Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2019 tại Tòa án nhân dân Quận 4 Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 11/2019/HSST ngày 30 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Thị Kim N**; tên gọi khác: Bé M; sinh ngày 10/5/1996, tại TP. Hồ Chí Minh; giới tính: Nữ; nơi cư trú: B334/37 Đ, Phường X, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 09/12; cha: Nguyễn Hồng H (không rõ năm sinh); mẹ: Trần Thị Ngọc T, sinh năm 1973; chồng: Không; con: Hiện đang mang thai (dự sinh tháng 10/2019); tiền án: Không; tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú "có mặt".

+ Người bị hại:
Ông Võ Thanh D, sinh năm 1987 "vắng mặt"
Địa chỉ: 538/10 Đ, Phường Y, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ ngày 17/06/2018, Trần Trí Q điều khiển xe gắn máy hiệu Wave, biển số 59G1 – 509.47 chở Trần Thị Kim N đi chơi. Q điều khiển xe chạy đến trước nhà của anh Võ Thanh D (sinh năm:1987, ngụ tại: 538/10 Đoàn Văn Bơ, Phường 14, Quận 4), thì nhìn thấy cửa nhà có khóa bên ngoài, bên trong đèn mở sáng. Q dừng xe rồi đi bộ đến trước cửa nhà của anh D, nhìn vào

bên trong thấy có chiếc Ipad để trên bàn giữa nhà và có 01 xe gắn máy hiệu SH Mode, biển số: 59C1 – 901.50 đang để trong nhà. Q nảy sinh ý định đột nhập vào nhà của anh D để trộm cắp tài sản. Để thực hiện ý định, Q điều khiển xe chở N về nhà của Q lấy áo khoác, khẩu trang, mũ bảo hiểm và các dụng cụ phá khóa gồm mỏ lết, kềm cắt, dao cắt kính bỏ vào túi xách đeo lên người rồi chở N quay trở lại nhà của anh D. Tại đây, Q kêu N dựng xe bên hẻm đối diện nhà của anh D chờ. Q đi bộ đến cửa nhà của anh D dùng mỏ lết để cạy khoen cửa sắt bên ngoài. Q nhìn thấy cửa kính bên trong sử dụng khóa có tay cầm bắt vít vào khung cửa nên Q đi lại nói với N phải về nhà lấy Tuvít mới mở được cửa. Lúc này, N biết rõ ý định của Q là đột nhập vào nhà của anh D để trộm cắp tài sản và N đồng ý. Q điều khiển xe chở N về nhà lấy được 01 cái Tuvít rồi chở N quay trở lại nhà của anh D. N chạy xe vào hẻm cặp vách nhà số 538/9 Đ đứng cảnh giới cho Q. Q đi đến nhà của anh D dùng mỏ lết bẻ gẫy khoen khóa cửa ngoài, Q tiếp tục dùng dao cắt kính để cắt kính cửa bên trong nhưng do kính dày nên không cắt được nên Q dùng Tuvít để mở ổ khóa. Lúc này, Q nhìn thấy có người dân đi đến nên đã đi lại chỗ của N đứng đợi. Sau khi người này đón xe Grab đi khỏi, Q tiếp tục đi đến phá được lớp cửa bên trong nhà anh D. Q vào nhà của anh D thì nhìn thấy trên bàn bên trái có 01 máy Ipad 3 và 01 điện thoại di động hiệu Nokia N230 màu trắng; trên chiếc bàn thấp sát tường bên phải có 01 máy Laptop hiệu Dell màu đen nên Q đã lấy chiếc Ipad 3, điện thoại di động hiệu Nokia N230 để chung với máy Laptop hiệu Dell. Q tìm xung quanh thì nhìn thấy có 01 ba lô màu tím để sát vách tường gần chiếc bàn thấp nên đã lấy chiếc ba lô để đựng chiếc Ipad 3, điện thoại di động hiệu Nokia N230 và máy Laptop hiệu Dell. Lúc này, Q phát hiện bên trong chiếc ba lô màu tím có đựng 01 máy Laptop hiệu Asus nên Q đã để chung tất cả tài sản vừa trộm được bỏ vào chiếc ba lô. Q tiếp tục lục tìm tài sản để trộm cắp và lấy được 200.000 đồng trong ngăn tủ của chiếc bàn thấp sát tường bên phải bỏ vào túi quần đang mặc. Sau đó, Q lấy chiếc ba lô đeo lên lưng rồi đẩy chiếc xe gắn máy hiệu SH Mode ra chỗ N đang đứng đợi. N điều khiển xe gắn máy hiệu Wave biển số 59G1 – 509.47 để đẩy xe SH Mode do Q điều khiển để tẩu thoát, nhưng N không đẩy được và làm 02 xe bị ngã, Q đổi qua điều khiển xe gắn máy hiệu Wave biển số 59G1 – 509.47 đẩy xe SH Mode do N điều khiển về nhà của N tại số 772/23/18/4 Đ, Phường X, Quận 4. Tại đây, Q kêu N lấy xe gắn máy hiệu Wave biển số 59G1 – 509.47 về nhà của Q lấy biển số 94K1 – 133.86 và điện thoại di động của Q để Q thay biển số 94K1 – 133.86 vào xe gắn máy hiệu SH Mode biển số: 59C1 – 901.50 của anh D. Sau khi thay xong biển số xe, Q đưa cho N cất giữ chiếc điện thoại di động hiệu Nokia N230 còn Q lấy 02 máy Laptop và 01 máy Ipad vừa trộm được của anh D đi bán cho Phạm Hồng T (sinh năm: 1983, ngụ tại: 200/49 C, Phường 15, Quận 4) là người kinh doanh thiết bị điện tử cũ được tất cả số tiền là 6.000.000 đồng. Trên đường về, Q đi đến cầu Tân Thuận 2 vứt bỏ chiếc túi đựng dụng cụ bẻ khóa, biển số xe 59C1 – 901.59 và chiếc áo khoác mà Q đã mặc khi đột nhập vào nhà của anh D. Quốc tiếp tục đi về nhà của N tháo mặt nạ xe SH Mode để đấu dây điện khởi động xe nhưng không được nên Q về nhà của mình ngủ.

Đến trưa ngày 18/06/2018, Q đi đến nhà của N lấy xe SH Mode rồi kêu xe honđa ôm đẩy đến nhà của Võ Thành A (sinh năm: 1996, ngụ tại: 793/28/7/22C

S, phường T, Quận 7) thay ổ khóa mới. Thay ổ khóa xong, Q sử dụng điện thoại để liên lạc với Phạm Thành B (sinh năm: 1984, ngụ tại: 515 K, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú) thỏa thuận bán xe SH Mode với giá 15.000.000 đồng. Sau đó, Q và B gặp nhau tại quán cà phê trước nhà số 875 Cách Mạng Tháng Tám, B gọi điện thoại cho Nguyễn Cao L (sinh năm: 1980, ngụ tại: 1B C, Phường 2, Quận 3) đến để xem và mua xe. L đồng ý mua xe SH Mode với giá 18.000.000 đồng. L đưa cho B số tiền 18.000.000 đồng, B giữ lại 3.000.000 đồng và đưa lại cho Q số tiền 15.000.000 đồng. Sau khi bán được xe SH Mode, đến chiều ngày 19/07/2018, Q về chia cho N số tiền là 3.000.000 đồng.

Đối với anh Võ Thanh D, sau khi phát hiện bị mất trộm tài sản, anh D đã đến Công an Phường 14, Quận 4 trình báo và giao nộp 01 USB có ghi hình ảnh vụ việc nhà anh bị trộm cắp tài sản. Ngoài ra, anh D khai ngoài số tài sản bị mất trộm như đã nêu trên, anh D còn bị mất 01 vòng bạc Pandora có giá trị là 3.000.000 đồng.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 4, Trần Trí Q khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên, phù hợp với vật chứng thu giữ, hình ảnh do camera ghi nhận và phù hợp với các tài liệu khác do Cơ quan cảnh sát điều tra thu thập. Ngoài ra, Q khai không chiếm đoạt 01 vòng bạc Pandora như anh D khai báo. Đối với chiếc điện thoại di động hiệu Nokia N230, do giận nhau với N nên Q đã đập bể và vứt bỏ nên không thu hồi được. Đối với chiếc xe gắn máy hiệu Wave biển số: 59G1 – 509.47, Q khai sau khi thực hiện việc trộm cắp tài sản tại nhà của anh D, Q đã bán cho Đào Ngọc T (sinh năm: 1992, ngụ tại: 171/79 Đ, phường Y, Quận 4) với giá 8.000.000 đồng.

Ngày 23/07/2018, Đào Ngọc T đã giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận 4 chiếc xe gắn máy hiệu Wave biển số: 59G1 – 509.47.

Ngày 23/07/2018, Nguyễn Cao L đã giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 4 chiếc xe SH Mode mang biển số 94K1 – 133.86, số khung: 5135GZ319148; số khung: JF51E0906796.

Tại kết luận định giá số 77/KL – HĐĐG ngày 26/07/2018, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 4, kết luận:

- 01 xe gắn máy hiệu honđa, loại SH Mode, màu đỏ - đen; số khung: 5135GZ319148; Số máy: JF51E0906796; Biển số: 59C1 – 901.50, đã qua sử dụng, có giá trị là 62.000.000 đồng;

- 01 Ipad 3 màu trắng hiệu Dell Vostro 14-5480 màu đen, đã qua sử dụng, có giá trị là 3.590.000 đồng.

- 01 máy tính hiệu Asus màu xám không rõ cấu hình, đã qua sử dụng, không xác định được giá trị;

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia N230 màu trắng, đã qua sử dụng, có giá trị là 490.000 đồng;

- 01 vòng trang sức bằng bạc tên gọi là vòng Pandora không rõ trọng lượng, đã qua sử dụng, không xác định được giá trị.

Đối với Võ Thành A khai khi thay ổ khóa xe cho Q, An không biết là tài sản do Q phạm tội mà có nên không có cơ sở để xử lý hình sự

Đối với Nguyễn Cao L và Phạm Thành B khai khi mua xe của Q, B và L không biết là tài sản do Q phạm tội mà có nên không có cơ sở để xử lý hình sự.

Đối với Phạm Hồng T khai nhận khi mua 02 máy Laptop và 01 máy Ipad do Q bán, T không biết là tài sản do Q phạm tội mà có nên không có cơ sở để xử lý hình sự. Phạm Hồng T đã bán lại số tài sản này cho người khác nên không thu hồi được.

Ngày 27/11/2018, Tòa án nhân dân Quận 4 đã xét xử đối với Trần Trí Q, xử phạt 04 năm 06 tháng tù.

Đối với Trần Thị Kim N do bỏ trốn, nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 4 đã ra lệnh truy nã. Ngày 04/12/2018, Trần Thị Kim N bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 4 bắt giữ.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 4, N khai phù hợp với lời khai của Trần Trí Q và các tài liệu có trong hồ sơ (Bl: 173 – 190).

Về dân sự: Đã được giải quyết trong Bản án số: 111/2018/HSST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận 4, đã có hiệu lực pháp luật.

Tại Cáo trạng số 20/CTr-VKS ngày 29/01/2019, Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 đã truy tố bị cáo Trần Thị Kim N về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo N khai nhận đã cùng Trần Trí Q lén lút chiếm đoạt tài sản của ông Võ Thanh D đúng như nội dung cáo trạng truy tố.

Tại phiên tòa, người bị hại: Ông Võ Thanh D vắng mặt không có ý kiến và yêu cầu gì.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 giữ quan điểm truy tố đối với các bị cáo Trần Thị Kim N về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Sau khi phân tích hành vi phạm tội, đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 03 năm tù; về dân sự đã xem xét giải quyết trong Bản án số 111/2018/HSST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận 4 nên không xem xét giải quyết; đề nghị xử lý vật chứng theo quy định

Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo đã nhận biết được hành vi phạm tội của mình là sai trái nên rất hối hận. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ để bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của của cơ quan điều tra Công an Quận 4, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các biên bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị cáo đều trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm:

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với nhau và còn phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án như bản kết luận định giá tài sản số 69/KL-HĐĐG ngày 09.7.2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự Quận 4 kết luận:

Khoảng 20 giờ ngày 17/06/2018, tại nhà số 538/10 Đ, Phường Y, Quận 4, Trần Thị Kim N và Trần Trí Q đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của anh Võ Thanh D 01 xe gắn máy hiệu honđa, loại SH Mode, màu đỏ - đen; số khung: 5135GZ319148; Số máy: JF51E0906796; Biển số: 59C1 – 901.50; 01 Ipad 3 màu trắng tay hiệu Dell; 01 máy tính xác tay hiệu Asus màu xám; 01 điện thoại di động hiệu Nokia N230 màu trắng có tổng giá trị theo định giá là 66.080.000 đồng.

Xét thấy, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Cần phải xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật. Xét, đây là vụ án có đồng phạm. Trong đó, bị cáo N với vai trò giúp sức cho Q thực hiện trót lọt việc chiếm đoạt tài sản của người bị hại. Do đó cần có mức hình phạt tương xứng tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên khi lượng hình có xem xét tình tiết giảm nhẹ bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hoàn cảnh gia đình khó khăn để giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

Về phần bồi thường dân sự và xử lý tật chứng vụ án: Đã xem xét giải quyết trong Bản án số 111/2018/HSST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận 4 đã có hiệu lực pháp luật nên không xem xét giải quyết. Riêng đối với 01 áo khoác màu nâu dài tay trên cổ tay áo màu đen, ngực áo phía trước bên trái có hình Logo in dòng chữ CLASSIC-BEST SUPPER 1988 – FASHION, giữa Logo có hình tháp là trang phục mà Trần Thị Kim N mặc khi đi cùng với Q trộm cắp tài sản tại nhà của anh D nên cần trả lại cho bị cáo (Theo biên bản giao nhận vật chứng đề ngày 14/11/2018 giữa Cơ quan điều tra Công an Quận 4 và Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Thị Kim N (Bé M) phạm tội "Trộm cắp tài sản";

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt Trần Thị Kim N 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án.

- Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Trả cho Trần Thị Kim N 01 áo khoác màu nâu dài tay trên cổ tay áo màu đen, ngực áo phía trước bên trái có hình Logo in dòng chữ CLASSIC-BEST SUPPER 1988 – FASHION, giữa Logo có hình tháp (Theo biên bản giao nhận vật chứng đề ngày 14/11/2018 giữa Cơ quan điều tra Công an Quận 4 và Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4).

- Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Bị cáo có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
. Bị cáo (1)
. Người tham gia tố tụng (2)
. CA TPHCM (PC 53) (1)
(1)
. TAND TP.HCM (1)
. Sở Tư pháp TP.HCM (2)
. VKSND Q4 (2)
. CA Q4 (1)
. THADS Q4 (3)
. THAHS Q4 (2)
. Lưu VP - hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Thanh Thảo